TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 05 - 2023
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Lệ Nga**

2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HN ngày 18 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Đình Trâm A, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1 phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Đậu Việt H1, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 956/27 đường T1, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/09/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Đình Trâm A trình bày:*** Tôi và anh H1 tự nguyên yêu thương nhau rồi tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 24/12/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi về sống cùng gia đình bên chồng tại 956/27 đường T1, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang đến năm 2017 thì vợ chồng về sống bên gia đình vợ tại Tổ 1 phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn anh H1 về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay.

Lý do xin ly hôn: Do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không cùng tiếng nói chung có lần cự cải nhau, trong cuộc sống mỗi người có cách suy nghỉ riêng dần dần cuộc sống của mỗi người tự lo không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa tôi với anh H không còn tình cảm nên không thể hòa hợp và hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị Nguyễn Đình Trâm A xác định vợ chồng chung sống có 01 người con tên Đậu Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 26/10/2016 hiện nay đang sinh sống với chị Trâm A. Chị Trâm A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Đình Trâm A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Đình Trâm A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Đình Trâm A xác định không còn tình cảm yêu thương với anh H1 nữa và yêu cầu được ly hôn với anh H1; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Chị Trâm A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đậu Việt H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng anh Đậu Việt H1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên đã vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Đình Trâm A được ly hôn với anh Đậu Việt H1. Về con chung: Đậu Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 26/10/2016 (hiện nay đang sống với chị Trâm A) đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Trâm A tiếp tục nuôi dưỡng người con tên V. Chị Trâm A không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Trâm A không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Đình Trâm A khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Đậu Việt H1 và anh H1 là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đậu Việt H1 không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trâm A tại Tòa án. Tuy nhiên, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh H1 cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trâm A yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh H1 theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh H1.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Đình Trâm A và anh Đậu Việt H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật đã được UBND phường Đ, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54 ngày 24/12/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trâm A đối với anh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị Trâm A và anh H1 không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẻ, chị Trâm A xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến tháng 10/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gây gắt và đã sống ly thân đến nay. Nguyên nhân tính tình giữa vợ chồng chị Trâm A và anh H1 không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm không cùng chung tiếng nói có lần dẫn đến cự cải nhau. Trong thời gian chị Trâm A, anh H1 sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Anh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H1 không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị Trâm A cũng như chứng cứ do chị Trâm A cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trâm A và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó,

yêu cầu xin ly hôn của chị Trâm A đối với anh H1 là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trâm A đối với anh H1.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Trâm A xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Đậu Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 26/10/2016 hiện nay đang sống với chị Trâm A. Chị Trâm A yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu V hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu cũng sinh sống với mẹ từ khi mới sinh, cháu cũng phát triển rất tốt về mọi mặt, để không làm thay đổi môi trường sinh sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của cháu V, do đó giao cháu V cho chị Trâm A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Trâm A không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Đình Trâm A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Nguyễn Đình Trâm A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh H1 không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh H1 có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Đình Trâm A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Đình Trâm A được ly hôn với anh Đậu Việt H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Đình Trâm A tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Đậu Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 26/10/2016 cho đến tuổi trưởng thành. Chị Trâm A không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đậu Việt H1 có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Đình Trâm A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Đình Trâm A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Đình Trâm A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* chị Trâm A được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004778 ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/05/2023), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh